| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN XM**<br>TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09/3/2023
V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đoàn Thị Mến.

2. Bà Ngô Thị Quốc Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Trần Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 351/2022/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Ngọc N, sinh năm: 1990 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp MQ, xã HMT, huyện CN, tỉnh TV.

*Bị đơn:* Ông Chúng A S, sinh năm: 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp PL, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc N trình bày:*

Bà Huỳnh Ngọc N xây dựng gia đình với ông Chúng A S vào năm 2021 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện không ai mai mối, ép buộc, được sự đồng ý của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới.

Cuộc sống chung giữa bà N và ông S hạnh phúc đến tháng 9 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cải vã, ông S nhiều lần xúc phạm bà N, sự việc cứ lặp đi lặp lại nhiều lần. Bà N và ông S đã cố gắng giải quyết khắc phục những mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng tình hình vẫn không có gì thay đổi, mâu thuẫn ngày càng lớn hơn. Từ tháng

02/2022 cho đến nay bà N và ông S ly thân, bà N trở về nhà cha mẹ đẻ ở tỉnh TV sinh sống, không còn quan hệ gì với ông S. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông Chúng A S.

- Về con chung: Bà N và ông S không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông S không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập ông Chúng A S đến tham gia hòa giải nhiều lần nhưng ông S vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt đương sự không tiến hành hòa giải được để có cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Tại các phiên Tòa ông S đều vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc trước đây cũng như tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Huỳnh Ngọc N yêu cầu ly hôn với ông Chúng A S đây là quan hệ pháp luật ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Chúng A S có nơi cư trú tại huyện XM theo điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong quá trình tham gia tố tụng ông Chúng A S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông S vắng mặt không có lý do, bà Huỳnh Ngọc N có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy việc xét xử vắng mặt bà N, ông S là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Ngọc N và ông Chúng A S xây dựng gia đình vào năm 2021 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2021, đăng ký ngày 12/5/2021 tại UBND xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà N cho rằng sau khi xây dựng gia đình bà N và ông S chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cải vã, ông S nhiều lần xúc phạm

bà N, sự việc cứ lặp đi lặp lại nhiều lần. Từ tháng 02/2022 cho đến nay bà N và ông S ly thân, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Kết quả xác minh tại địa phương: Về tình trạng hôn nhân giữa bà Huỳnh Ngọc N và ông Chúng A S quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân là gì thì địa phương không biết, do không hòa giải ở cơ sở, do có mâu thuẫn nên bà N đã bỏ đi, không sống cùng ông S. Ông S hiện vẫn đang sinh sống tại ấp PL, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà N và ông S chưa có con chung. Nay bà N có yêu cầu ly hôn, địa phương không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của bà N cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra bà N và ông S phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc nhưng từ tháng 02/2022 đến nay bà N và ông S ly thân, mạnh ai nấy sống vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình – 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Sau khi bà N gửi đơn, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng không thể hòa giải được, ông S vắng mặt không lý do, thể hiện không có thiện chí hòa giải, bà N kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông S.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà N và ông S thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông S.

[3] Về con chung: Bà Huỳnh Ngọc N và ông Chúng A S không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Ngọc N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, bà Huỳnh Ngọc N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia

đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Ngọc N đối với ông Chúng A S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Ngọc N được ly hôn với ông Chúng A S.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Ngọc N và ông Chúng A S không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Ngọc N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Ngọc N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011422 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà N đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã HH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Thảo**